TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-PT
Ngày: 18/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:***

Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Q và bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. NGUYỄN HOÀNG Q, sinh năm 1992 tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn LC, xã PH, huyện TP, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị H (chết); vợ là Bùi Thị Lan P, có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/8/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã AN, tỉnh Bình Định xử phạt 10.000.000 đồng về tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có";* bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. NGUYỄN VĂN T (Tư rìu), sinh năm 1993 tại Bình Định; nơi cư trú: Khu vực ĐPD, phường ĐĐ, thị xã AN, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Thợ xăm; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Bạch T; vợ là Nguyễn Ánh T, có 02 con đứa lớn sinh năm 2012, đứa nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Trương Văn T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 21/01/2018, Trương Văn T rủ Nguyễn Hoàng Q đi uống cà phê; trong lúc uống cà phê, T rủ Q cùng đi trộm cắp xe mô tô loại xe Exciter (vì T biết cách trộm loại xe này) để bán lấy tiền tiêu xài thì Q đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T cầm theo một đoạn dây kẽm dài khoảng 3cm rồi điều khiển xe mô tô Exciter biển kiểm soát 77F1 – 264.73 đến tiệm sửa xe của Q tại xã Phước Lộc, huyện TPvà để xe này tại đây, rồi Q lấy chiếc xe mô tô Airblade màu đen của khách gửi sửa ở tiệm sửa xe của Q (không nhớ rõ biển kiểm soát) chở T đi dạo trên các tuyến đường thuộc huyện TP để tìm loại xe Yamaha Exciter trộm cắp, khi cả hai đi đến trước nhà ông Tô Ngọc P thì thấy trong nhà ông P đang có đãi tiệc, phía trước nhà có dựng nhiều xe để bên đường, Q phát hiện có một chiếc xe Yamaha Exciter màu trắng – đỏ, biển kiểm soát 77L1 – 539.49 đang để trước nhà ông P không có người trông coi (xe này do anh Trịnh Nguyên T điều khiển đến nhà của ông P dự tiệc, chủ sở hữu xe là ông Trịnh Văn H, sinh năm 1964 là cha ruột của Trịnh Nguyên T), Q nói cho T biết rồi quay xe lại để quan sát T hình. Sau đó, Q dừng xe cách đó khoảng 20m để cảnh giới, còn T đi bộ đến chỗ để xe mô tô 77L1 – 539.49 và phát hiện xe đã khóa và chốt từ, T sử dụng đoạn dây kẽm đã chuẩn bị từ trước nối nguồn điện để khởi động xe rồi điều khiển chiếc xe trộm được về cất giấu tại tiệm sửa xe của Q, T tháo biển kiểm soát 77L1 – 539.49 ra rồi lấy biển kiểm soát 59T1 – 063.35 do Q đưa (biển kiểm soát này Q khai nhặt được bên đường nên không rõ nguồn gốc) gắn vào xe mô tô trộm được. Đến sáng ngày 22/01/2018, Q điều khiển chiếc xe trộm được chạy lên thị xã AN để cắt khóa xe rồi chạy xe về cất ở tiệm sửa xe của mình.

Khoảng 03 ngày sau, T điện thoại cho Nguyễn Văn T để bán chiếc xe vừa trộm được. Trong lúc nói chuyện điện thoại thì T có hỏi T xe có giấy tờ hay không thì T trả lời là xe không có giấy tờ, T nói cho T biết là xe có nguồn gốc trộm được ở thành phố Hồ Chí Minh và T đã đồng ý mua chiếc xe trên. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T hẹn T đến quán cà phê TL thuộc thôn PM 1, xã PL, huyện TP để bán xe cho T. Tại quán cà phê, T gọi điện thoại cho Q mang xe mô tô trộm cắp được đến bán cho T với giá 10.500.000 đồng (*mười triệu năm trăm ngàn đồng*). Số tiền bán xe có được T chia cho Q 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), còn lại T lấy 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) tiêu xài cá nhân. Ngày 27/3/2018, ông Trương Văn A (cha ruột của T) đến gặp T xin chuộc lại chiếc xe mô tô 77L1 – 539.49 mà T và Q đã bán, T đồng ý cho chuộc lại xe với giá tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) rồi sau đó ông A đem giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan điều tra.

Ngày 06/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TP đã định giá và kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn trắng – đỏ, biển kiểm soát 77L1 – 539.49, số máy G3D4E006743, số khung 0610EY006742, xe được mua và sử dụng từ tháng 11/2016 cho đến thời điểm bị trộm cắp có giá trị thành tiền là 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng).

Ngày 24/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã trả lại xe mô tô 77L1 – 539.49 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Văn H, ông H không có yêu cầu gì nữa. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng Q đã đến gặp ông A trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để góp chuộc lại chiếc xe mà T và Q đã trộm cắp, ông A không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với sợi dây kẽm dài 3cm sau khi thực hiện hành vi trộm cắp Q đã lấy vứt đi, không xác định được địa điểm nên không thu hồi được.

Đối với chiếc xe Airblade màu đen mà T và Q sử dụng để đi trộm cắp, Q đã trả lại cho khách sửa xe, người khách sửa xe không biết được việc T và Q sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện TP không xử lý đối với chủ sở hữu chiếc xe này là có căn cứ.

Đối với biển kiểm soát 59T1 – 063.35 mà Q đưa cho T để gắn vào xe mô tô 77L1 – 539.49, hiện Cơ quan CSĐT Công an thị xã AN đang tạm giữ để tiếp tục điều tra, xác minh trong vụ án khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TP đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; Nguyễn Văn T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Q 07 (bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản";* quyết định về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 22/10/2018 bị cáo Nguyễn Hoàng Q kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 26/10/2018 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, và các tài liệu khác

có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 19h00' ngày 21/01/2018 Trương Văn T và Nguyễn Hoàng Q đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 77L1 – 539.49 trị giá 31.000.000 đồng. Nguyễn Văn T biết rõ xe do Q và T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 10.500.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện huyện TP đã áp dụng các T tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q 07 tháng tù theo khoản 1 Điều 173 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 tháng tù theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hoàng Q, Nguyễn Văn T: HĐXX thấy rằng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân một cách trái pháp luật và ảnh hưởng đến T hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Hoàng Q có nhân thân xấu, ngày 03/8/2018 bị TAND thị xã AN xử phạt 10.000.000 đồng về tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*". Nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Q.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, hơn nữa bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo. Nên chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Q không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT; kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Q; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; Sửa bản án sơ thẩm.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Q 07(bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND Phường Đập Đá, thị xã AN, tỉnh Bình Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí:

+ Bị cáo Nguyễn Hoàng Q phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Vụ GĐKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CA huyện TP;
- Cơ quan THAHS Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Xuân